



寸法表

単位：mm

呼び径	d2	A	B	
1/8	Rc 1/8	19	22	
1/4	Rc 1/4	19	22	
3/8	Rc 3/8	23	26	
1/2	Rc 1/2	27	30	
3/4	Rc 3/4	32	36	
1	Rc 1	38	44	
1.1/4	Rc 1.1/4	46	53	
1.1/2	Rc 1.1/2	48	60	
2	Rc 2	57	73	
2.1/2	Rc 2.1/2	69	91	
3	Rc 3	78	105	
4	Rc 4	97	133	

注 (1) 呼び径 1/8 キット標準.

[illegible]